

một thời cai trị cộng hòa Sakiya trước vua Suddhodana, hoặc làm vị nhiếp chính của ngài. Điều này giải thích lý do tôn giả Bhaddhiya được miêu tả là quốc vương cai trị dòng Thích-ca (Cv 7.1.3) do nhầm lẫn với thân phụ tôn giả.

Từ Anupiyà, chuyện kể rằng cuộc hành trình tiếp tục đến Kosambì, thủ đô nước Vamsà (Cv 7.2.1), nơi đó bậc Đạo Sư cùng chư vị hộ tống cư trú tại vườn của triệu phú thương Ghosita (Cù-sư-la). Khu vườn này mở rộng đón các du sĩ của mọi tông phái. Một thời gian sau, vị này cung tặng ngài khu vườn ấy, vào dịp đến thành Sàvatthi để buôn bán cùng nghe đức Phật thuyết Pháp và trở thành đệ tử ngài.

-oOo-

TRỞ LẠI RÀJAGHA

Năm 526 trước CN chứng kiến đức Phật trở về thành Vương Xá lần nữa, nơi đó ngài an cư mùa mưa tại Vehuvana (Trúc Lâm) "tinh xá" như trước. Một trong những nơi ngài thường đến thăm nhiều nhất là Gijjhakùta (Linh Thú Sơn), một cao nguyên ở sườn đồi phía nam Đỉnh Chatha nhìn xuống phía nam cảnh thung lũng Ràjagaha thật ngoạn mục cho ta hưởng được làn gió nhẹ nhẹ hiếm có ở vùng thung lũng phía dưới. Chẳng bao lâu Linh Thú Sơn trở thành địa điểm được bậc Đạo Sư ưa chuộng và đôi khi ngài lên đó ngay cả trong mùa mưa hoặc đêm tối. Tại đây ngài có thể chủ trì các Pháp thoại mà không bị quấy nhiễu và dành hết thì giờ giáo giới chư Tỷ-kheo, nên hàng chục bài kinh đã được ngài thuyết giảng tại đây. Có hai hang động thiên nhiên ở sườn bắc núi này, động lớn được gọi là Động Lợn Rừng, các hang này che chở chư vị những lúc bão tố và có thể ở tạm ban đêm lúc khẩn thiết.

Trong mùa an cư thứ hai tại Ràjagaha, đức Phật có hai mối kỳ ngộ chứng tỏ tầm quan trọng và giá trị đối với ngài cùng Tăng chúng. Đó là cuộc gặp gỡ y sĩ Jivaka (Kỳ-bạt) và trưởng giả Anàthapindika (Cấp Cô Độc).

Cuộc tiếp xúc với y sĩ Jivaka diễn ra như sau: khi mệt nhọc vì các chuyến du hành xa, đức Phật rời nội thành Ràjagaha để về Linh Thú Sơn và ngồi nghỉ bên ngoài đông môn của nội thành dưới bóng mát của một vườn xoài. Vườn này thuộc về vị ngự y Jivaka Komàrabhacca, mà theo lời đồn đại, vị này là con của một kỹ nữ giàu sang trong thành Vương Xá đã bỏ rơi con mình sau khi sinh. Cũng theo lời đồn, một vương tử đã tìm thấy hài nhi và nuôi đến trưởng thành (Mv 8. 1. 3-4). Dù sao đi nữa, sự thật là vị này đã học y khoa

bảy năm tại Đại học lừng danh Takkasila (Skt: Taksasila) (Mv 8.1.6) và trở thành nổi tiếng nhờ nhiều cách điều trị thần kỳ. Vị này vừa mới chữa cho vua Bimbisàra khỏi bệnh âm sang, sau đó nhà vua bổ nhiệm chức ngự y thường trực của mình kiêm thái y chính thức của các vương phi và cả Tăng chúng của đức Phật (Mv 8. 1. 13-15).

Y sĩ Jivaka liền nắm lấy cơ hội đức Phật đến thăm vườn xoài này để đàm luận đôi điều với "bậc Đại Sa-môn" mà theo lệnh vua, vị ấy có trách nhiệm chăm sóc sức khỏe. Do nghề nghiệp được giao có liên quan đến sự bảo vệ sinh mạng, vị y sĩ hỏi đức Phật về thái độ của ngài đối với việc sát sinh và cách dùng thực phẩm toàn rau quả (trường trai):

"Bạch Thế Tôn, con nghe nói rằng nhiều súc vật bị giết vì ngài, và ngài dùng món thịt đặc biệt dành để cúng dường ngài. Có đúng vậy chăng?"

-- *Này Jivaka, bất cứ ai nói như vậy là không nói sự thật. Đúng ra, ta nói rằng thịt không được nhận làm món khát thực trong ba trường hợp: nếu ta thấy, nghe và nghi (con vật ấy bị giết vì vị Tỳ-kheo này) song nếu không phải các trường hợp trên, thì vị Tỳ-kheo có thể thọ dụng món thịt.*

Nếu một Tỳ-kheo đi khát thực trong thôn làng hay thị trấn với tâm từ (mettà) biến mãn khắp mọi chúng sanh, và một gia chủ mời vị ấy thọ thực ngày mai, vị ấy có thể nhận lời. Nhưng trong lúc vị ấy đang thọ thực ngày hôm sau tại nhà kia, vị ấy không nên nghĩ là vẫn ước mong được mời một bữa cao lương mỹ vị như vậy thêm lần nữa. Vị ấy nên thọ dụng món khát thực mà không tham đắm lạc thú ẩm thực. Này Jivaka, ông có nghĩ rằng một Tỳ-kheo làm như vậy là tự hại mình và hại người khác không?

-- *Thưa không, bạch Thế Tôn.*

-- *Này Jivaka, nếu ông nói đến sự cố ý diệt tận của ta thì điều đó chỉ đúng theo ý nghĩa duy nhất này: "Ta đã đoạn diệt tham, sân, si ở trong ta khiến cho chúng không thể sanh khởi được nữa trong tương lai. Bất cứ kẻ nào sát sanh vì ta hay một đệ tử của ta sẽ phạm một ác nghiệp gồm có năm phần, đó là, dẫn con vật đi, hành hạ nó (lúc lôi kéo), giết chết nó, và do vậy hành hạ nó thêm lần nữa và cuối cùng là cúng dường ta và đệ tử ta không đúng Chánh Pháp".*

(MN 55, lược thuật)

Cảm phục vì lời dạy của đức Phật, y sĩ Jivaka tuyên thệ xin gia nhập hội chúng đệ tử tại gia. Và vào một dịp khác, khi đức Phật đến an trú trong vườn xoài này, vị y sĩ lại tìm cách học tập các bốn phận của một cư sĩ. (AN 8.26)

Từ đó y sĩ Jivaka hoan hỉ đảm trách nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cho Tăng chúng mặc dù việc đó làm vị y sĩ bận rộn rất nhiều mà không nhận thù lao gì cả. Có lần đức Phật hỏi ý kiến về "khí huyết cơ thể thiếu lưu thông", y sĩ Jivaka liền chữa khỏi với dầu xoa bóp, thuốc nhuận tràng, cách tắm nước ấm (ở các suối nước nóng gần Rājagaha) và nước cốt trái cây (Mv 8.1.30-33). Đối với các Tỳ-kheo xanh xao bạc nhược, vị ấy khuyên tập thể dục và tắm trong lều có sưởi ấm (Cv 5. 14. 1), rõ ràng đó là cách điều trị kê đơn thật hợp lý.

Việc bổ nhiệm Jivaka làm y sĩ của Tăng chúng chỉ có một hậu quả phụ không mấy ai ưa thích, khi nhiều người có đủ thứ tật bệnh khác nhau xin gia nhập Giáo hội làm Tỳ-kheo với mục đích được vị danh y này chữa trị miễn phí! Vì vậy y sĩ Jivaka thỉnh cầu đức Phật không chấp thuận các người bệnh được thọ giới. Bạc Đạo Sư nhận lời đề nghị này và đưa ra những huấn thị thích hợp. (Mv 1. 39. 5-7)

Vì thấy đức Phật thường đến viếng Vườn Xoài trên, vị y sĩ suy đoán là đức Phật đặc biệt thích cảnh này nên đã dâng cúng bạc Đạo Sư Vườn Xoài Jivaka. Phần nền tảng của tinh xá ngày xưa ở đây nay còn thấy được bốn bức tường dài với các dãy nhà phụ nhỏ hơn, tất cả đều được che mái hình vòng cung thuở ấy.

Một đệ tử tại gia xuất sắc thứ hai tự tuyên thệ làm người hộ pháp vừa là thân hữu của đức Phật cũng trong năm 526 trước CN ấy là Sudatta Anāthapindika, Tu-đạt Cấp Cô Độc, như ông thường được gọi vì tính ông bố thí hào phóng. Ông sinh trưởng ở Sāvattthi và kết hôn với em gái của một thương gia thành Rājagaha. Là người buôn bán vàng trở thành đại phú nhờ nghề này, ông thuộc thành phần lãnh đạo ngành này ở Sāvattthi, là chủ tịch nghiệp đoàn, đến thành Rājagaha để lo công việc với người em vợ.

Ông rất kinh ngạc nhìn thấy mọi sự chuẩn bị long trọng linh đình trong nhà em vợ để cúng dường đức Phật và Tăng chúng ngày hôm sau. Lòng đầy hiếu kỳ về người mang danh hiệu được tôn vinh là một đức Phật, một bậc Giác Ngộ, ông không ngủ được đêm ấy và thức dậy trước lúc tinh sương để đi tìm đức Phật. Lúc ấy bạc Đạo Sư tạm trú trên vùng nghĩa địa hỏa táng *Sītavana* (Thanh Lâm: Rừng Mát) và đã thức dậy. Ngài đang đi kinh hành để hưởng

khí mát lạnh ban mai, chẳng bao lâu cuộc đàm đạo càng thêm hứng khởi, qua đó đức Phật thuyết cho ông Anàthapindika nghe bài Pháp thuận thứ. Bằng cách phát nguyện Tam quy, ông tuyên thệ xin làm cư sĩ tại gia và cung thỉnh đức Phật đến thọ thực ngày hôm sau (Cv 6. 4. 1-5).

Buổi cúng dường này cũng diễn ra tại nhà em vợ ông ở Ràjagaha và chấm dứt với lời ông cung tặng đức Phật cùng Tăng chúng một nơi an cư mùa mưa ở Sàvatthi. Điều kiện duy nhất đức Phật yêu cầu là một nơi an cư như vậy phải ở trong một vùng biệt lập (Cv 6. 4. 7)

Khi trở về Sàvatthi, ông Anàthapindika lập tức đi tìm một khu đất thích hợp. Ông tìm được ngự viên của vương tử Jeta, hoàng nam của Đại Vương Pasenadi Kosala. Tuy nhiên, vương tử Jeta không muốn nhượng bớt tài sản. Vương tử tuyên bố chẳng muốn bán ngự viên này dù với giá một trăm ngàn đồng tiền *kahàpanas*.

Lời nói ấy được ông Anàthapindika, một người thông thạo luật pháp, lập tức trình lên pháp đình hoàng gia làm trọng tài phân xử. Tòa án quyết định rằng việc nêu giá tiền ấy, cho dù chỉ là một cách từ chối, cũng tạo nên lời cam kết muốn bán (vì hễ ai không muốn bán sẽ không nêu giá cả!) và thế là ngự viên này được chuyển qua tay ông Anàthapindika, vị hào phú mà quần chúng tin rằng thực sự đã phải lát khắp bề mặt ngự viên này với số đồng tiền vàng theo giá mua (Cv 6. 4. 9-10).

---o0o---

VUA PASENADI TRỞ THÀNH ĐỆ TỬ TẠI GIA

Việc ông Anàthapindika phát nguyện cúng dường Tăng chúng một tinh xá ở Sàvatthi (khoảng 110 km ở đông bắc Lucknow) khiến đức Phật phải khởi hành lên kinh đô nước Kosala không lâu sau cuộc đàm đạo với nhà đại phú này. Cuộc bộ hành của ngài theo lộ trình xe ngựa thông thường ngang qua Vesàli (Cv 6. 5. 1), thủ đô của cộng hòa Licchavi và có lẽ cũng qua kinh thành Kapilavatthu nữa, tuy thế biết rằng "*Bụt nhà không thiêng*", lần này ngài không dừng lại nơi đây nữa. Khi đến Sàvatthi, ngài an trú tại Jetavana (Kỳ Viên hay Thắng Lâm), nơi mà ông Anàthapindika vừa mới tậu được, và khu vườn ấy hiển nhiên mở rộng đón chực vị đại diện tất cả mọi giáo phái.

Sáng hôm sau, chúng Tăng thọ thực tại nhà ông Cấp Cô Độc và câu chuyện sau đây diễn ra:

Ông Cấp Cô Độc: Bạch Thế Tôn, chúng con sẽ phải sắp đặt mọi việc ở Kỳ Viên như thế nào?

Đức Phật: Hãy sắp đặt nơi đây cho Tăng chúng từ bốn phương trời, cả hiện tại lẫn tương lai nữa.

Ông Cấp Cô Độc: Lành thay, bạch Thế Tôn. (Cv 6. 9)

Lúc ấy ông không làm lễ rót nước lên tay chính thức chuyển nhượng quyền sở hữu chủ, mà chỉ có lễ trao quyền sử dụng Kỳ Viên cho Tăng chúng, nhưng nhờ câu đối đáp khôn khéo của đức Phật, nơi này tiếp tục tồn tại thật lâu dài sau khi ngài diệt độ. Ông Cấp Cô Độc vẫn là sở hữu chủ hợp pháp của Kỳ Viên, nơi mà ông trao quyền tùy nghi sử dụng vào tay Giáo đoàn đức Phật như một vật cho mượn vĩnh viễn.

Mặc dù chuyện kể ông Cấp Cô Độc xây dựng ngay một tinh xá trong Kỳ Viên sau khi mua (Cv 6. 4. 10), và mặc dù ta có nghe nói đến việc xây dựng lần thứ hai sau khi ông Cấp Cô Độc trao quyền sử dụng vào tay Tăng chúng (Cv 6. 9. 1), hình như các ngôi nhà kiên cố không thấm nước chỉ được xây rất lâu sau đó nhiều năm. Mãi đến mười một năm sau (515 trước CN) đức Phật mới an cư mùa mưa tại Kỳ Viên, trừ vài lần tạm trú ngắn hạn trong các mùa khác. Từ năm 508 trở đi, ngài dùng Sàvatthi làm nơi an trú mùa mưa hằng năm và đã trải qua mười tám thời kỳ gió mùa tiếp tại Kỳ Viên Tinh Xá. Sáu mùa mưa khác ngài an trú tại Đông Viên Tinh Xá (Pubbàrama) cũng ở Sàvatthi, một ngôi nhà do nữ cư sĩ hào phóng Visàkhà Migàramàtà (Tỳ-xá-khư Lộc Mẫu) cúng dường.

Kỳ Viên ở khoảng 500 m phía tây nam thành Sàvatthi (Maheth ngày nay), hiện được gọi là Saheth. Các sách cổ miêu tả đó là vùng trồng nhiều cây rậm rạp che bóng mát, một phần là xoài. Trẻ con xưa thường chơi đùa gần công viên này, đôi khi vào lội nước trong cái ao đức Phật vẫn dùng để tắm rửa. Cái ao nay đã hư hỏng, nằm bên ngoài về phía đông vùng này lộ rõ cho du khách biết đường đến Saheth tức Kỳ Viên thuở xưa. Ngoài ra không còn di tích gì về các ngôi tinh xá thời đức Phật.

Trong đám dân chúng ở Sàvatthi không lảng tránh con đường tới Kỳ Viên để nghe đức Phật thuyết Pháp và thích thú diện kiến ngài (*darsana*) là Đại Vương Pasenadi nước Kosala, người vào độ tuổi bằng đức Phật. Vị vua này đến gần đức Phật với tâm trạng hoài nghi:

Vua Pasenadi: Thưa Sa-môn Gotama, có phải tôn giả tuyên bố đã chứng đắc Vô Thượng Giác Ngộ như một đức Phật Chánh Đẳng Chánh Giác chăng?

Đức Phật: Quả thật ta tuyên bố như vậy.

Vua Pasenadi: Trẫm biết các Sa-môn thượng thủ của các giáo phái, khi trả lời câu hỏi của trẫm, tất cả đều bảo chư vị không đạt vô thượng Giác Ngộ. Nay làm thế nào tôn giả có thể trở thành một bậc Đại Giác như thế, khi tôn giả còn quá trẻ tuổi và xuất gia chưa được bao lâu?

Đức Phật: Thưa Đại Vương, có bốn loại người và vật không được khinh thường vì trẻ tuổi: đó là: một vị quý tộc (Sát-đế-ly), một con rắn, một ngọn lửa và một vị Tỷ-kheo. (SN 3.1 lược thuật)

Nhà vua hiểu lời nói trên ám chỉ luôn đến tuổi trẻ của chính mình, nên rất cảm phục trước câu đối đáp linh lợi hoạt bát này và tuyên thệ làm đệ tử tại gia của đức Phật bằng cách phát nguyện Tam Quy.

Dù nay ta có tin việc vua Pasenadi quy y Phật diễn ra ngay sau buổi đàm thoại đầu tiên hay không, thì sự thật là niềm tin cần và thiện cảm thân hữu đã phát sinh rất nhanh giữa vị Đại Vương này và bậc Đại Sa-môn. Chỉ riêng Tương Ưng Bộ Kinh (SN 3) có không ít hơn hai mươi lăm Pháp thoại rải rác trong nhiều năm giữa hai vị, qua đó vua Pasenadi phát biểu các tư tưởng, nhận xét và kinh nghiệm của mình, rồi đức Phật nêu ra quan điểm của ngài.

Một vài Pháp thoại mang tính giáo dục của Đạo Sư đối với đệ tử, như trường hợp đức Phật xoa dịu nỗi thất vọng của nhà vua khi chánh hậu Mallikà (Mạt-lợi) của ông vừa hạ sinh một công chúa thay vì một hoàng nam mà ông hằng mong ước (SN 3.16), hoặc ngài an ủi nhà vua về việc tô mầu qua đời (SN 3.22), và giúp ông nhiếp phục sầu bi về sự từ trần của ái hậu Mallikà bằng cách suy tư đến tính bất khả kháng của mạng chung (AN 5.49).

Trong các trường hợp khác, đức Phật khuyên nhủ vua với tình thân hữu. Do vậy có chuyện ghi lại rằng vua Pasenadi là người thích hưởng cao lương mỹ vị đã phát triển một cái bụng phệ, có lần đến yết kiến đức Phật với dáng thờ hớn hên một nhọc khiến đức Phật cảnh giác vị vua này:

*Người nào luôn sống chú tâm,
Tỏ ra tiết độ, hộ phòng lúc ăn,*

Dục tham người ấy giảm dần,

Giữ gìn sức khỏe, chậm tăng tuổi già.

Lập tức nhà vua ra lệnh cho vị thanh niên đang quạt hầu phải nhắc nhở mình vãn kệ này trước mỗi buổi ăn (SN3.13).

Cũng giống như việc vua Bimbisàra công nhận Giáo Pháp đã khởi đầu sự thành tựu đột phá trong việc truyền đạo ở quốc độ Magadha, nay việc giáo hóa vua Pasenadi cũng bảo đảm cho sự thành tựu tốt đẹp đồng đẳng ở quốc độ Kosala. Tin "*Đại Vương quy y Giáo Pháp của Sa-môn Gotama*" lan rộng nhanh như ngọn lửa rừng, chẳng bao lâu đến tận các nước cộng hòa chư hầu, gồm cả xứ sở của bộ tộc Sakiya nữa.

---o0o---

VUA PASENADI VÀ VƯƠNG QUỐC KOSALA

Đại Vương Kosala với dáng dấp đầy đặn xuất hiện theo lời mô tả trong Kinh Tạng Pàli như một mẫu người rất sống động phối hợp cuộc đời xa hoa, thái độ ân cần thân thiện với cách suy tư đầy triết lý và tài chính trị tinh khôn đầy mưu lược.

Vua này là con của Đại Vương Mahàkosala. Phụ vương đã trao quyền cai trị cho ông ngay sau khi ông du học trở về từ Takkasila, và sau khi ông chứng tỏ tài cai trị trong chức vị thống đốc thành Kàsi (Benares). Viện Đại học ở Takkasila, thủ đô Gandhàra, là cơ quan giáo dục cao trọng nhất ở Nam Á, với một chương trình học đầy hấp dẫn. Ngoài các môn triết lý và thần học (nghiên cứu triết lý Vệ-đà, các kỹ năng tế lễ, chú thuật, văn phạm kinh Vệ-đà) và các môn thể học về luật pháp và chính trị, còn dạy nhiều nghề thực tiễn (như y khoa, luyện voi, đấu kiếm và bắn cung). Đại học này mở ra cho bất cứ người nào thuộc giai cấp quý tộc Sát-đế-ly và Bà-la-môn có đủ các điều kiện cần thiết. Học phí rất cao, nhưng các sinh viên nghèo thời ấy có thể phục vụ các giáo sư để thay vào món học phí phải trả (Jàt.252). Mọi sinh viên đều sống trong khu đại học theo kỷ luật nghiêm khắc. Hình phạt đối với các vị vi phạm trật tự thường là cách trừng trị bằng roi gậy.

Cả việc vua Pasenadi tham đắm lạc thú ẩm thực lẫn khát vọng đền bù khoảng thời gian đã mất ấy bằng những cuộc tình ái có thể phát sinh từ lối sống khắc khổ thời sinh viên ở Takkasila. Kinh sách vẫn thường nói đến nhiều vị vương phi của ông. Gạt bỏ qua một bên mọi thông lệ của xã hội và giai cấp, ông đã chọn nương tử yêu kiều Mallikà làm chánh hậu, đó là con gái của một nhà làm vòng hoa, người đã biết dùng mọi vẻ diễm lệ an ủi khôn

khéo cho ông nguôi sầu sau một trận chiến bại. Nhà vua rất quý trọng trí thông minh xử sự của bà, và thường tham khảo ý kiến bà trước khi quyết định việc cai trị. Ta còn biết được tên của bốn vương phi khác nữa: đó là chị em vương phi Somà và Sakulà, vương phi Ubbirì và vương phi Vàsabhakkhattiyà thuộc dòng Thích-ca. Khi vua Pasenadi muốn cưới một người vợ từ bộ tộc Thích-ca, nàng đã được rước về từ kinh đô Kapilavatthu theo lời cầu hôn của ông. Sau này nàng trở thành mẫu hậu của thái tử Vidudabha.

Việc học tập của vua ở Takkasila đã làm cho trí tuệ ông thêm sắc bén, nhưng khó làm cho ông thích hợp việc trị nước. Đôi khi các tư duy triết lý ngăn cản ông quyết định và thỉnh thoảng các ý tưởng ấy lại khởi lên giữa công việc triều chính khiến cho ông chán nản. Ông từng nói với đức Phật là ông quá bức mình vì nhiều điều dối trá mà ông phải nghe khi làm chủ tọa pháp đình đến độ ông giao quyền xử án cho một vị phán quan khác (SN 3. 7. 2). Lắm phen ông dùng câu nói này với đức Phật: *"Khi con lắng tâm suy nghĩ, tư tưởng này nảy ra trong trí con..."* (SN 3. 4. 2), một cách phát ngôn rõ ràng biểu lộ bản tính hay suy tư của ông.

Nếu quốc sự cho phép, vua Pasenadi hẳn đã dành nhiều thì giờ hơn cho các mối quan tâm về triết lý và đạo giáo của ông. Tuy nhiên, những suy tư về chính trị buộc ông phải biết hạn chế và phân phát ân huệ đồng đều giữa các giáo phái có thể ảnh hưởng đến dư luận quần chúng. Ông đã làm cân xứng với các tặng vật dành cho hội chúng đức Phật -- trong đó nổi bật nhất là ngôi giảng đường của tinh xá ở quần thể Kỳ Viên và Vương Lâm Tinh Xá (Ràjakàrama) -- bằng cách ban lợi tức thu thuế ba ngôi làng cho ba vị Bà-la-môn chuyên nghiệp lừng danh về tri thức Vệ-đà. Thực ra ông không bao giờ từ bỏ đạo tế thần theo Vệ-đà, và có lần chẳng chú ý gì đến sự khinh bỉ của đức Phật, ông đã tổ chức một đại tế lễ bằng máu (SN 3.9).

Việc ủng hộ tôn giáo đòi hỏi rất nhiều tiền bạc. Có một lần, khi nhà vua muốn đào sâu vào trong công khổ để làm lợi cho Tăng chúng đức Phật, vị triều thần Kàla cố can ngăn ông. Sự can đảm này phải trả giá đắt. Đức Phật bày tỏ thái độ bất bình đối với Kàla, ngay sau đó vua Pasenadi bãi chức viên quan này. Trường hợp trên nêu rõ ảnh hưởng của đức Phật đối với nhà vua, đồng thời chứng minh rằng ngài biết cách bảo vệ quyền lợi của ngài nữa.

Quốc độ Kosala của vua Pasenadi dài 350 km từ tây sang đông và rộng 270 km từ bắc xuống nam. Điểm cực tây của nó nằm khoảng 70 km phía tây vùng Lucknow ngày nay. Từ đây biên giới quay ngược lên phía bắc và đông

bắc, đi vào vùng trung tâm cao nguyên Tarai rồi cong dần về hướng đông đến sông Gandak (tức Sadanira), nó đi dọc sông này một đoạn nữa về phía nam, tiếp tục xuôi về nam đến tận sông Hằng, chạy song song với thượng lưu sông này cho đến khi nó rời con sông ở phía đông bắc thành Benares, sau đó lại tiếp tục theo hướng tây bắc trở về khởi điểm.

Một phần ba địa hình bầu dục mô tả theo đường biên giới này, toàn thể phía bắc và đông bắc không phải là vùng trung tâm của Kosala, mà bao gồm các lãnh thổ do các quốc vương được địa phương ấy bầu lên cai trị. Đây là các nước cộng hòa và địa phận các bộ tộc mà Đại Vương Pasenadi làm chúa tể. Cơ cấu hành chánh mà vua Pasenadi đã nhận được từ phụ vương để cai trị cả lãnh thổ rộng lớn này không được hữu hiệu lắm, khiến cho trách nhiệm lãnh đạo không dễ dàng gì. Ngoài hai vị đại thần đáng tin nhiệm là Ugga và Ārohanta, nếu không có hai vị này cố vấn thì nhà vua ít khi quyết định được một vấn đề chính trị, nói chung vẫn có mối bất hòa giữa đám quần thần và sự tranh chấp của họ đã nhiều lần làm kinh thành bần tán xôn xao. Cũng chính vì các triều thần này nói bóng gió với nhà vua rằng Đại tướng Bandhula đang nhắm đến ngai vàng mà nhà vua đã tin theo, để rồi sai người giết vị đại tướng, mang lại những hậu quả sẽ được bàn đến sau này.

Những hiềm khích giữa đám quần thần và mối nghi hoặc thường xuyên ám ảnh vua về lòng trung thành của họ khiến cho ta dễ hiểu việc ông dành cho mình mọi sự bang giao thương nghị với các nước cộng hòa và bộ tộc dưới quyền thống trị tối cao của ông. Trong các vấn đề liên quan các nước chư hầu, đám quần thần không được xen vào. Đại Vương bàn luận trực tiếp với từng vị tiểu vương và buộc họ phải tuân theo vì ông đã đặt các đại tướng "của họ" dưới mệnh lệnh riêng của ông. Thỉnh thoảng các tiểu vương đến báo cáo tại hội nghị tiểu vương diễn ra ở thành Savatthi dưới quyền chủ tọa của Đại Vương Pasenadi.

Một bài kinh trong Tương Ưng Bộ (3.12) kể lại một cuộc hội nghị gồm năm vua, song không nói tên bốn vị vua vây quanh Đại Vương Pasenadi là ai. Có lẽ đó là quốc trưởng bộ tộc Sakiya từ Kapilavatthu, quốc trưởng bộ tộc Koliya từ Rāmāgama, quốc trưởng bộ tộc Moriya từ Pippalivana, và một trong hai quốc trưởng của cộng hòa Malla, hoặc từ Kusinara hoặc từ Pavā. Thay vào một trong hai vị này, quốc trưởng Kālāma từ Kesaputta cũng có thể đã hiện diện.

Bài kinh không nói cho ta biết mục đích chính trị của hội nghị này, mà chỉ cho ta thấy thỉnh thoảng các quốc vương cũng bàn luận triết lý -- trong dịp

này đó là vấn đề giác quan nào -- mắt, tai, mũi, lưỡi, thân -- đem lại lạc thú tối cao. Theo đề nghị của vua Pasenadi, vấn đề được đưa đến đức Phật, ngài đáp rằng mỗi giác quan đều mang lại lạc thọ lẫn khổ thọ. Không giác quan nào có thể được đánh giá cao hơn cái khác, nhưng trong trường hợp so sánh các dục lạc, thì giác quan nào đem lại lạc thú tối cao phải được xem là thượng đẳng, bất kể giác quan nào cả. Nay chúng ta có thể giả thiết rằng việc tham vấn này theo lời đề nghị của Đại Vương Pasenadi đã làm tăng thêm uy tín của đức Phật trong các xứ sở chính gốc của các quốc vương kia và mở đường cho việc tiếp nhận Giáo Pháp ngài.

Chúng ta cũng không nên đánh giá quá cao tầm cỡ thủ đô nước Kosala. Bức tường bao quanh thành Sàvatthi (tức là Mabheth) vẫn còn được phát hiện ngày nay. Nó mang hình chữ nhật giáp giới phía bắc với sông Aciravati (hay Rapti) và chiếm khoảng 3 km². Một chỗ trũng dài trên mặt đất ở phía nam thành, hình như ám chỉ rằng Sàvatthi ngày xưa được hào lũy bao bọc. Kinh thành được phồn thịnh nhờ các phương tiện giao thông thuận lợi hơn là nhờ vị trí thủ đô. Sông Aciravati nối thủ đô nước Kosala với hệ thống thủy lộ trên sông Hằng. Đường xe ngựa từ Takkasila ở phía tây chia ra hai nhánh tại Sàvatthi, nhánh đông nam đưa đến Rājagaha và nhánh nam xuôi về Kosambī. Như vậy Sàvatthi nằm trên một trong những tuyến đường thương mại quan trọng nhất ở cổ Ấn Độ.

Sự kiện này đem lại nhiều tiền bạc, nhưng cũng tăng thêm vấn đề canh phòng an ninh. Vua Pasenadi đã phải chiến đấu không ngừng chống bọn đạo tặc thảo khấu trong nước. Và đôi khi lại còn ra lệnh bắt "một số đông thường dân" (SN 3. 10). Nguy hiểm nhất là Rừng Người Mù (*andhavana*) trải dài từ Sàvatthi về hướng nam, nơi bọn cướp đã có lần làm mù mắt một Tỳ-kheo. Ngay cả nhà vua cũng không được an toàn ở đó. Có lần vua Pasenadi sắp du hành ngang qua rừng ấy với một đám hầu cận ít ỏi, các thám tử cấp báo tin rằng bọn sơn tặc đang mai phục ông. Lập tức ông ra lệnh quân đội bao vây khu rừng. Bọn cướp liền bị bắt và bị đâm bằng cọc xuyên qua người.

---o0o---

CÁC VŨ KỲ AN CƯ TẠI RÀJAGAHA VÀ VESÀLI

Việc đơn giản nhất đối với đức Phật có lẽ là an cư mùa mưa 525 trước CN tại Sàvatthi, nơi ấy Kỳ Viên của ông Cấp Cô Độc hẳn đã sẵn sàng để cho ngài sử dụng. Tuy nhiên, hoặc là vấn đề nhà cửa tại Kỳ Viên hình như còn quá sơ sài tạm bợ đối với ngài, hoặc là vì ngài đã hứa với Đại Vương Bimbisàra đến an cư thời kỳ gió mùa năm ấy tại Rājagaha, dầu trong trường